

TÁC ĐỘNG CỦA CÁC QUY ĐỊNH VỀ RÀO CẢN KỸ THUẬT TRONG HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO GIỮA VIỆT NAM VÀ EU ĐỐI VỚI VIỆT NAM

Trần Văn Nam*

Tóm tắt

Hiệp định thương mại tự do (FTA)¹ đang ngày càng trở thành các công cụ chính sách thương mại phức tạp và có nhiều tác động đến lợi ích của các quốc gia đàm phán và ký kết. Liên minh Châu Âu (EU) đã bắt đầu sử dụng các FTA một cách hệ thống từ những năm 1990 để mở rộng ảnh hưởng kinh tế đối với các nước láng giềng. Cùng với thời gian, các FTA đã phát triển và bao hàm cả các khía cạnh phi thương mại. Thực tế, so với làn sóng FTA đầu tiên đầu những năm 1990 vốn chủ yếu liên quan đến tiếp cận thị trường và thương mại hàng hóa, thế hệ FTA mới có thể được biết đến như công cụ chính sách đối ngoại và kinh tế vượt lên trên vấn đề cắt giảm các hàng rào kỹ thuật trong thương mại. Việc đàm phán của EU về Hiệp định FTA có mục tiêu chính là đảm bảo lợi ích thương mại cho các nhà xuất khẩu EU tại Việt Nam. Vì vậy, Việt Nam cần chuẩn bị cho khả năng một FTA tham vọng, với những cam kết sâu về mức độ và rộng về diện mở cửa với EU để đổi lại việc mở cửa thị trường mạnh mẽ từ EU. Đây cũng là xu hướng chung của các FTA thế hệ mới. Bài viết này phân tích những tác động của các quy định về rào cản kỹ thuật trong Hiệp định FTA giữa Việt Nam và EU và nêu ra một số kiến nghị đối với Việt Nam.

Từ khóa: Hiệp định thương mại tự do (FTA); Hiệp định Hợp tác và Đối tác Toàn diện (PCA); Rào cản kỹ thuật trong thương mại (TBT); Liên minh châu Âu (EU).

Mã số: 126.230115; Ngày nhận bài: 23/01/2015; Ngày biên tập: 23/01/2015; Ngày duyệt đăng: 28/01/2015

1. Các quy định về rào cản kỹ thuật trong Hiệp định FTA Việt Nam-EU

EU là một thị trường rộng lớn với 28 quốc gia thành viên và là một trong những đối tác thương mại quan trọng nhất của Việt Nam. Năm 1995, Việt Nam đã ký Hiệp định khung về hợp tác và phát triển với EU. Năm 2010, Việt Nam và EU hoàn thành đàm phán và ký kết Hiệp định Hợp tác và Đối tác Toàn diện (Hiệp định PCA)². Hiệp định PCA VN-EU,



* PGS, TS, Khoa Luật, Trường Đại học Kinh tế; Email: namuw2002@gmail.com

¹ Viết tắt là FTA, từ tiếng Anh: Free Trade Agreement

² Viết tắt là PCA, từ tiếng Anh - Vietnam-EU Partnership and Co-operation Agreement (PCA)

được ký chính thức ngày 27/6/2012, là một mốc lịch sử quan trọng đánh dấu sự phát triển toàn diện và sâu sắc trong quan hệ Việt Nam – EU. Hiệp định PCA cũng tạo tiền đề quan trọng để hai Bên bước vào đàm phán Hiệp định FTA và hợp tác hướng tới sớm công nhận quy chế thị trường của Việt Nam. Hiện nay, hai Bên đang đàm phán Hiệp định FTA VN-EU với tính chất là một cam kết mở cửa thị trường mạnh và sâu. FTA VN-EU được ký kết sẽ có tác động rất lớn đến từng ngành và toàn bộ nền kinh tế Việt Nam, đặc biệt là những tác động từ các quy định về rào cản kỹ thuật.

Các quy định về rào cản kỹ thuật trong FTA VN-EU dựa trên các quy định, tại Điều 15 Chương 5, của Hiệp định PCA Việt Nam – EU. Điều 15 quy định: (1). Các Bên thúc đẩy việc sử dụng các tiêu chuẩn quốc tế và hợp tác và trao đổi thông tin về các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp, đặc biệt là trong khuôn khổ Hiệp định WTO về Hàng rào Kỹ thuật trong Thương mại (Hiệp định TBT)³; (2). Các Bên nỗ lực trao đổi thông tin khi đang xây dựng các quy định pháp luật mới trong lĩnh vực TBT. Theo đó, các Bên sẽ khuyến khích các biện pháp nhằm thu hẹp khoảng cách giữa các Bên trong lĩnh vực đánh giá sự phù hợp và tiêu chuẩn hóa, gia tăng sự tương đồng và tương thích giữa các hệ thống tương ứng của hai Bên trong lĩnh vực này. Các Bên nhất trí trao đổi quan điểm, tìm hiểu khả năng áp dụng chứng nhận của bên thứ ba nhằm thuận lợi hóa dòng chảy thương mại giữa hai Bên; (3). Hợp tác trong lĩnh vực TBT cần được tiến hành thông qua, nhưng không hạn chế bởi, hình thức đối thoại qua các kênh thích hợp, các dự án chung, các chương trình hỗ trợ kỹ thuật

và xây dựng năng lực. Các Bên sẽ chỉ định, khi cần thiết, đầu mối liên lạc để trao đổi về các vấn đề theo Điều này.

Quá trình đàm phán Hiệp định FTA VN-EU liên quan đến các quy định về TBT về cơ bản là dựa trên 3 nội dung nêu trên trong Hiệp định PCA. Một khi việc đàm phán kết thúc và Hiệp định FTA VN-EU được ký kết, những quy định này sẽ có những tác động gì đối với Việt Nam?

2. Những tác động đối với Việt Nam

2.1. Những tác động đối với doanh nghiệp và giải pháp

a. Việc tuân thủ các quy định về TBT là điều kiện tiên quyết để các nhà xuất khẩu Việt Nam có thể tiếp cận thị trường EU: Vì mục đích của các quy định về TBT là nhằm đảm bảo lợi ích thương mại cho các nhà xuất khẩu EU, tránh cho nhà xuất khẩu EU gặp trở ngại bởi những quy định phi thuế quan, vì vậy, việc tuân thủ các quy định về TBT là điều kiện tiên quyết để các nhà xuất khẩu Việt Nam có thể tiếp cận thị trường EU. Trên thực tế, các biện pháp TBT điều tiết mọi ngành hàng quan trọng xuất khẩu sang EU của Việt Nam, đó là: giày dép, may mặc, thực phẩm, sản phẩm gỗ và nội thất, sản phẩm điện và điện tử và nhựa. Đây là tác động tích cực dễ thấy nhất đối với các doanh nghiệp Việt Nam khi chúng ta tuân thủ các quy định của FTA VN-EU

Theo kết quả điều tra về tác động của các quy định TBT đối với xuất khẩu của Việt Nam sang EU trong các ngành hàng then chốt của MUTRAP III⁴: các doanh nghiệp xuất khẩu các mặt hàng chủ lực của Việt Nam sang EU

³ Viết tắt là Hiệp định TBT từ tiếng Anh: Technical Barrier to Trade

⁴ Nguồn: Báo cáo của MUTRAP III: *Vượt rào cản TBT để thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa Việt Nam sang Liên minh Châu Âu*, tháng 7/2009, thuộc mã hoạt động WTO-7

không gặp khó khăn lớn trong việc tuân thủ các quy định TBT của EU, điều này được minh chứng bằng sự tăng trưởng nhanh chóng xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường EU trong những năm gần đây trong các ngành hàng chủ lực này.

Theo Hệ thống cảnh báo nhanh của EU⁵, từ năm 2005 đến 2008, chỉ có khoảng 11 vụ việc về các sản phẩm phi thực phẩm liên quan tới hàng xuất khẩu của Việt Nam không tuân thủ với các yêu cầu TBT của EU, bao gồm: 4 vụ liên quan đến đồ nội thất, 3 vụ liên quan đến bột lửa, 1 vụ liên quan đến hàng may mặc, 2 vụ liên quan đến đèn dầu và 1 vụ liên quan đến đồ chơi. Tuy nhiên, trong năm 2009, con số này đã tăng lên đáng kể, tổng cộng có 9 vụ việc về các sản phẩm phi thực phẩm liên quan tới hàng xuất khẩu của Việt Nam không tuân thủ với các yêu cầu TBT của EU. Điều này được lý giải bởi phần lớn các nhà xuất khẩu Việt Nam sản xuất theo đơn đặt hàng và chủ yếu dựa vào các quy cách phẩm chất, các yêu cầu về bao gói, các quy trình đánh giá sự phù hợp và chứng nhận v.v... do người mua EU đề ra. Trong rất nhiều trường hợp, người mua EU cũng đồng thời là người cung cấp hoặc chỉ định các nhà cung cấp các nguyên vật liệu thô và quy định các quy trình đánh giá sự phù hợp và chứng nhận bởi các phòng thí nghiệm cụ thể và các công ty chứng nhận. Vì thế, các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam chỉ việc sản xuất theo hợp đồng, đáp ứng các thông số do khách hàng EU đã định trước, tuân thủ các quy định TBT của EU.

b. Tiềm ẩn những khó khăn khi vẫn có thể có những thay đổi trong yêu cầu của EU về TBT: Bên cạnh tác động tích cực nêu trên, các hiệp hội ngành nghề Việt Nam tỏ ra lo ngại đối với những thay đổi đang được đề xuất về luật lệ của EU bởi vì EU có thể sẽ đặt ra những yêu cầu TBT mới đối với các sản phẩm nhập khẩu, hạn chế việc nhập khẩu từ các doanh nghiệp xuất khẩu thành viên của các hiệp hội này. Những thay đổi của EU có thể làm phát sinh các khó khăn tiềm tàng mà các doanh nghiệp Việt Nam sẽ phải đối mặt. Đó là:

Thứ nhất, doanh nghiệp Việt Nam có thể bị động do không chắc chắn về những thay đổi trong tương lai của các quy định TBT của EU

Hiệp hội Dệt may Việt Nam; Hiệp hội Da-Giày Việt Nam và Hiệp hội Nhựa Việt Nam lo ngại về tác động của REACH⁶ (Quy định về đăng ký, đánh giá, cấp phép và hạn chế sử dụng các loại hóa chất) do EU ban hành đối với các ngành liên quan. Đây là mối lo ngại lớn vì REACH có thể đòi hỏi nhiều loại chứng nhận hơn đối với chuỗi cung ứng và đòi hỏi kế hoạch logistic hậu cần chi tiết cho việc cung ứng đối với trên 80% nguyên vật liệu đầu vào nhập khẩu trong mọi ngành xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Việc tìm các chất thay thế các hóa chất bị cấm theo Quy định của REACH cũng làm phát sinh chi phí lớn.

Mục đích chính của REACH là: Đảm bảo mọi hóa chất sử dụng ở EU, dù nhập khẩu hay sản xuất trong khu vực đáp ứng các tiêu chuẩn

⁵ Nguồn: The EU rapid alert system – *Weekly overview report of RAPEX notifications*, truy cập 27/11/2014

⁶ Quy định REACH là Quy định số 1907/2006 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu ngày 18/12/2006 về việc đăng ký, đánh giá, cấp phép và hạn chế sử dụng các loại hóa chất (REACH), đã thành lập Cơ quan Hóa chất châu Âu, sửa đổi Chỉ thị 1999/45/EC và thay thế Quy định của Hội đồng (EEC) số 793/93 và Quy định của Ủy ban châu Âu (EC) số 1488/94 cũng như Chỉ thị của Hội đồng số 76/769/EEC và các Chỉ thị của Ủy ban số 91/155/EEC, 93/67/EEC, 93/105/EC và 2000/21/EC.

về sức khỏe và an toàn; Buộc các nhà sản xuất và các nhà nhập khẩu phải có trách nhiệm đối với việc sử dụng và xử lý an toàn các chất của mình tạo ra; Thay thế các chất có nhiều khả năng nguy hại nhất bằng những chất ít nguy hại hơn trong khả năng có thể; Thành lập Cơ quan Hóa chất châu Âu để đăng ký, đánh giá, phê duyệt việc sử dụng mọi hóa chất. Từ ngày 1/6/2007, Cơ quan Hoá chất châu Âu (gọi tắt là ECHA), có trụ sở tại Helsinki, Phần Lan bắt đầu hoạt động nhằm giám sát việc thực hiện REACH, cung cấp thông tin, tài liệu cơ bản cũng như thực thi các biện pháp cần thiết để REACH phát huy tác dụng. ECHA sẽ từng bước hoàn thiện và từ ngày 1/6/2008 bắt đầu tiếp nhận các hồ sơ đăng ký liên quan đến hoá chất từ các tổ chức, công ty trên toàn EU.

Trong 10 năm tới, hơn 30.000 loại hoá chất đang được lưu hành tại EU sẽ phải được đăng ký tại ECHA. Để được đăng ký, các công ty phải chứng minh được hoá chất mà mình đăng ký sử dụng không gây nguy hiểm cho người tiêu dùng và môi trường. ECHA có thẩm quyền ban hành lệnh cấm sử dụng bất kỳ hoá chất nào bị cho là nguy hiểm và quy định những biện pháp khẩn cấp trong trường hợp xảy ra thảm họa từ hoá chất. Vì vậy, các doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu hàng hóa sang EU sẽ phải đối mặt với nhiều thủ tục và chi phí mới.

Ngoài ra, một vấn đề nữa mà các doanh nghiệp Việt Nam sẽ phải ứng phó là: Người tiêu dùng EU có thể sẽ không mua những sản phẩm nhập khẩu bán trên thị trường mà trong quá trình sản xuất có sử dụng hoặc trong thành phần cấu thành có chứa những hóa chất mà các nhà sản xuất của EU không được phép sử dụng theo REACH. Điều này có thể dẫn đến việc các nhà nhập khẩu của EU sẽ yêu cầu các nhà cung ứng từ các quốc gia thứ ba như

Việt Nam chỉ được sử dụng những hóa chất đã đăng ký theo REACH cho việc sản xuất các sản phẩm.

Thứ hai, nhiều khả năng chi phí đánh giá tuân thủ và chứng nhận sẽ gia tăng.

Các quan ngại về những biện pháp TBT mới sẽ bao gồm thêm các quy định cấp chứng nhận mới làm tăng chi phí cho nhà xuất khẩu. Thực tế hiện nay Việt Nam chưa có đủ các phòng thí nghiệm và phương tiện kiểm nghiệm để đánh giá và chứng nhận tuân thủ đối với các hóa chất theo yêu cầu của REACH. Trong trường hợp phải sử dụng dịch vụ phòng thí nghiệm của nước ngoài, chi phí sẽ lớn và ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam. Việc đòi hỏi thêm các loại chứng nhận trong chuỗi cung ứng theo Quy định REACH dự kiến cũng sẽ làm tăng chi phí chứng nhận.

Thứ ba, gia tăng yêu cầu phải đầu tư mới cho công nghệ sản xuất và huấn luyện vận hành để đáp ứng yêu cầu tuân thủ.

Các quan ngại về các biện pháp TBT mới có thể yêu cầu đầu tư vào công nghệ sản xuất và phân phối mới nhằm đáp ứng yêu cầu của việc tuân thủ. Điều này có thể đòi hỏi phải có sự đào tạo nhân lực về vận hành thiết bị mới và làm tăng chi phí vận hành.

Như vậy có thể nhận thấy, hầu hết các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam tuân thủ theo quy cách sản phẩm do người mua quy định mà không cần phải lưu tâm đến các quy định TBT của EU, dẫn đến hiểu biết về các yêu cầu pháp lý và kiến thức về các quy định TBT của EU còn rất hạn chế. Mặc dù tuân theo quy cách sản phẩm là một yếu tố làm nên sự thành công của các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam trong việc đáp ứng các quy định TBT của EU, nhưng đây cũng là yếu điểm vì

các hiệp hội ngành hàng cũng như các thành viên của mình chưa chủ động xây dựng được năng lực cơ bản cho việc hiểu biết và áp dụng các quy định TBT của EU đối với các ngành liên quan. Điều này tạo ra sự ỷ lại vào bên mua về những thông tin thiết yếu cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp xuất khẩu. Một điểm nữa là các doanh nghiệp chưa coi trọng công tác nghiên cứu và phát triển, đổi mới sản phẩm và thiết kế sản phẩm, bao gói và nhãn mác, dẫn đến giá trị gia tăng trong các sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam còn thấp. Thực tế hiện nay, số lượng nhà máy sản xuất theo thiết kế của mình còn ít (chiếm chưa đến 2%), số lượng các nhà máy sản xuất theo thương hiệu còn ít hơn.

Việc đàm phán về TBT trong FTA VN- EU có thể sẽ giúp các Doanh nghiệp Việt Nam nhận thức cần phải thay đổi dần quy trình sản xuất theo hướng gia công hiện tại sang quy trình sản xuất chủ động và sáng tạo hơn, chú trọng tới năng suất và chất lượng. Điều này sẽ thúc đẩy doanh nghiệp Việt Nam tham gia vào chuỗi sản xuất cung ứng sản phẩm toàn cầu, thông qua việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp của EU.

Ví dụ, có thể tham khảo FTA EU - Hàn Quốc về ngành sản xuất ô-tô. Thực tế hiện nay, hệ thống Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) về ô tô, bộ phận và phụ tùng ô tô là do Ban kỹ thuật Tiêu chuẩn quốc gia TC 22/TCVN "Phương tiện giao thông đường bộ" biên soạn và phần lớn các TCVN này được biên soạn trên cơ sở các quy định kỹ thuật của UNECE. Các Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia (QCVN) về ô tô, bộ phận và phụ tùng ô tô do Cục Đăng kiểm Việt Nam biên soạn trên cơ sở TCVN về ô tô, bộ phận và phụ tùng ô tô tương ứng. Sự hài hòa về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình

đánh giá sự phù hợp sẽ tạo ra khuôn khổ pháp lý thuận lợi hóa thương mại, môi trường tốt để thu hút các nhà đầu tư đến từ EU và thúc đẩy sự phát triển ngành công nghiệp phụ trợ của Việt Nam.

Việc đàm phán về TBT trong FTA VN- EU cũng hứa hẹn góp phần hỗ trợ tích cực cho việc tăng cường năng lực của các hiệp hội ngành hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam trong việc tham vấn các doanh nghiệp tuân thủ các quy định TBT của EU, đồng thời tận dụng được vị thế của mình để vận động EU hạn chế những thay đổi về quy định TBT có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam.

Tuy nhiên việc đàm phán về TBT trong FTA VN-EU sẽ đặt ra nhiều thách thức cho các doanh nghiệp Việt Nam: cạnh tranh ngày càng khốc liệt và gay gắt trên cả thị trường trong nước và xuất khẩu, do các hàng rào bảo hộ, hàng rào thuế quan và phi thuế quan và do các chính sách ưu đãi đang dần bị loại bỏ. Với sự chênh lệch khá lớn về trình độ phát triển và mức sống của người dân, dòng chảy hàng hóa sản xuất tại EU dễ dàng thâm nhập vào thị trường Việt Nam, ngược lại hàng hóa của Việt Nam muốn thâm nhập vào thị trường EU thì phải vượt qua được hàng rào kỹ thuật cao, chặt chẽ và nghiêm ngặt của EU. Nếu các doanh nghiệp Việt Nam không tích cực tự đổi mới công nghệ, đầu tư khoa học và công nghệ, phát triển sản phẩm mới thì nguy cơ mất thị phần có thể xảy ra ngay tại sân nhà.

Để nâng cao sức cạnh tranh của các sản phẩm hàng hoá trên thị trường nói chung, không còn cách nào khác, Việt Nam cần tăng cường sử dụng các tiêu chuẩn quốc tế làm nền tảng cho các văn bản pháp lý và tiêu chuẩn quốc gia. Vấn đề ở đây là sử dụng các tiêu

chuẩn quốc tế phù hợp với các tiêu chuẩn quốc gia của các nước đang phát triển. Vì vậy cần phải đầu tư một cách khôn ngoan. Việc lựa chọn sai lầm có thể tạo ra những hậu quả kinh tế xã hội nghiêm trọng như: công nghệ nhập khẩu không phù hợp với điều kiện địa phương, lãng phí đầu tư trong chương trình phát triển công nghiệp, nỗ lực xuất khẩu các sản phẩm địa phương trở nên vô nghĩa vì không đáp ứng pháp luật và tiêu chí của người tiêu dùng tại thị trường nước ngoài v.v... Thực tế đã khẳng định, thông qua việc áp dụng tiêu chuẩn, doanh nghiệp có thể thu được một số lợi ích rõ rệt như: tạo ra môi trường ổn định, có thể dự đoán mà giới doanh nghiệp có thể quản lý công nghệ và sáng chế mới; có khả năng phát triển thị trường và nâng cao tính cạnh tranh; tạo công cụ đảm bảo sản phẩm và khả năng tương thích của quá trình; đưa sản phẩm tới thị trường, thoả mãn các yêu cầu pháp lý, bảo vệ người tiêu dùng v.v... Một lần nữa, các doanh nghiệp Việt Nam cần nhận thức được tầm quan trọng của việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Tùy thuộc vào chiến lược kinh doanh, doanh nghiệp có thể lựa chọn áp dụng các loại tiêu chuẩn như: tiêu chuẩn cơ sở, tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn khu vực hay tiêu chuẩn quốc tế.

Chẳng hạn, một doanh nghiệp Việt Nam, trong chiến lược kinh doanh có định hướng xuất khẩu sản phẩm sang thị trường EU, vậy doanh nghiệp cần phải biết được các biện pháp kỹ thuật nào tại thị trường này mà doanh nghiệp cần phải vượt qua để có chiến lược tiếp cận thị trường và chiến lược sản phẩm thích hợp và phù hợp với thị trường này. Thực tiễn hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật là biện pháp phi thuế quan chính mà EU áp dụng đối với hàng

hoá nhập khẩu từ các nước ngoài Liên minh. Đây là hệ thống bảo hộ bằng rào cản kỹ thuật hiệu quả nhất thế giới hiện nay và hoàn toàn phù hợp với xu thế chung của thương mại thế giới. Hệ thống rào cản kỹ thuật được cụ thể hoá ở 5 loại tiêu chuẩn của sản phẩm: tiêu chuẩn chất lượng, tiêu chuẩn vệ sinh thực phẩm, tiêu chuẩn an toàn cho người sử dụng, tiêu chuẩn bảo vệ môi trường và tiêu chuẩn lao động. Đối với tiêu chuẩn chất lượng: hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000 gần như là yêu cầu bắt buộc đối với các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu sang thị trường EU từ các nước đang phát triển. Còn đối với tiêu chuẩn vệ sinh thực phẩm, việc áp dụng hệ thống phân tích các nguy cơ và kiểm soát các điểm trọng yếu trong lĩnh vực nông sản thực phẩm HACCP (Hazard Analysis Critical Control Point) là rất quan trọng và gần như cũng là yêu cầu bắt buộc đối với các xí nghiệp chế biến thủy hải sản của các nước đang phát triển muốn xuất khẩu sản phẩm vào thị trường EU. Như vậy tùy thuộc vào loại hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, doanh nghiệp phải chủ động nghiên cứu, lựa chọn và áp dụng các mô hình hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến phù hợp với doanh nghiệp mình.

Hiện nay trên thế giới tồn tại rất nhiều mô hình quản lý chất lượng mà các doanh nghiệp có thể lựa chọn áp dụng, đó là: các bộ tiêu chuẩn của ISO về hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001), ISO 14001 - hệ thống quản lý môi trường, HACCP - hệ thống phân tích các nguy cơ và kiểm soát các điểm trọng yếu trong lĩnh vực nông sản thực phẩm, GMP - quy chế thực hành sản xuất tốt trong lĩnh vực dược và thực phẩm, OHSAS 18001 - hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, SA 8000 - hệ thống trách nhiệm xã hội và các hệ thống quản lý chất lượng tích hợp hoặc đặc thù như ISO

22000 - hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, ISO/TS 29001 Công nghiệp dầu khí và hoá dầu - hệ thống quản lý chất lượng trong các ngành công nghiệp đặc thù - yêu cầu đối với các tổ chức cung cấp sản phẩm và dịch vụ, v.v... Việc lựa chọn đúng mô hình quản lý chất lượng và áp dụng nó một cách đúng mực, doanh nghiệp sẽ tận dụng được hết lợi thế và những tác động mà hệ thống này có thể mang lại như đổi mới cơ cấu tổ chức quản lý, hoàn thiện kỹ năng quản lý hiện đại của đội ngũ lãnh đạo, quản trị trong các doanh nghiệp, tăng hiệu quả quản lý, giảm biên chế hành chính, góp phần giảm chi phí quản lý, hạ giá thành sản phẩm v.v..., và đặc biệt là giúp doanh nghiệp phát triển bền vững và thành công trong thâm nhập và trụ vững tại thị trường EU.

2.2. Những tác động đối với cơ quan quản lý Việt Nam và giải pháp

a. Việc đàm phán về TBT trong FTA VN-EU sẽ thúc đẩy các cơ quan quản lý của Việt Nam tích cực sửa đổi và hoàn thiện các văn bản pháp luật của Việt Nam về TBT: Hệ thống văn bản pháp lý hỗ trợ cho các hoạt động kỹ thuật trong lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng của Việt Nam được ban hành, đảm bảo hài hòa và phù hợp với thông lệ quốc tế gồm 03 Luật: Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật (Luật TC & QCKT) số 68/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006, có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2007; Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa (Luật CLSPHH) số 05/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007, có hiệu lực thi hành ngày 01/07/2008; Luật Đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2011, có hiệu lực thi hành ngày 01/07/2012; và một loạt các văn bản dưới luật như: Nghị định, Thông tư, Quyết định, v.v... được ban hành để hướng dẫn thi hành các luật trên. Đây là tác động tích cực của tiến trình đàm phán về TBT

trong FTA VN - EU đối với các cơ quan quản lý của Việt Nam.

Việc đàm phán FTA VN - EU cũng sẽ tác động tích cực tới các cơ quan quản lý của Việt Nam về việc cần thiết phải thúc đẩy nhanh việc xây dựng và hoàn thiện hàng rào kỹ thuật của Việt Nam đủ chặt chẽ để kiểm soát các sản phẩm hàng hóa kém chất lượng, hàng giả, bảo vệ sức khỏe và an toàn cuộc sống của con người và động thực vật, bảo vệ môi trường, chống gian lận thương mại, đảm bảo an ninh quốc gia.

b. Việc đàm phán về TBT trong FTA VN-EU sẽ thúc đẩy các cơ quan quản lý của Việt Nam tích cực phối hợp với các doanh nghiệp trong nước tìm kiếm biện pháp vượt qua TBT của EU: Việc hội nhập kinh tế quốc tế ngày một sâu và rộng đã tạo ra một sức ép lớn đối với nền kinh tế của Việt Nam nói chung và hoạt động của từng ngành và lĩnh vực nói riêng: các cơ quan quản lý sẽ phải quan tâm đến việc nghiên cứu các biện pháp nhằm bảo vệ sản xuất và tiêu dùng trong nước; phải có sự phối hợp hiệu quả hơn trong việc xây dựng phương án kiểm soát, ngăn chặn hàng hóa kém chất lượng nhập khẩu và lưu thông trong nước v.v... và sẽ phải đưa ra những biện pháp tích cực hơn trong việc phối hợp với các doanh nghiệp trong nước để đối phó với các rào cản kỹ thuật từ phía EU...

Tương tự như FTA EU-Hàn Quốc, Việt Nam cần hợp tác chặt chẽ với EU trong lĩnh vực tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp để hai bên hiểu rõ hơn về hệ thống TBT của nhau. Rõ ràng, việc hài hòa hóa khuôn khổ pháp lý sẽ tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam cắt giảm chi phí nhờ tính hiệu quả theo quy mô khi các sản phẩm sản xuất cho thị trường Việt

Nam sẽ đáp ứng các yêu cầu an toàn tối thiểu theo các quy định kỹ thuật của EU áp dụng cho các sản phẩm tương tự.

Tuy nhiên, việc tiếp cận thị trường EU còn phụ thuộc vào việc công nhận quy trình đánh giá tuân thủ đối với các sản phẩm. Điều này lại phụ thuộc vào việc nước xuất khẩu có các cơ quan đánh giá và chứng nhận tuân thủ được công nhận ở cấp độ quốc tế, có khả năng cung cấp dịch vụ với giá cả cạnh tranh. Để giảm chi phí tuân thủ yêu cầu TBT của EU, Việt Nam cần chủ động ký kết các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau và thỏa thuận tương đương trong từng trường hợp cụ thể với EU. Dù rằng việc đạt được các thỏa thuận về các công cụ để thuận lợi hóa thương mại là rất phức tạp, đây vẫn là mục tiêu rõ ràng nhất của các FTA, vì vậy đây phải là vấn đề được ưu tiên trong các đàm phán FTA. Các công cụ thuận lợi hóa thương mại cũng mang đến cho Việt Nam cơ hội để trở thành trung tâm chế biến (ví dụ, như đã từng thấy, cơ hội để nhập khẩu thủy sản của nước thứ ba, ví dụ như các sản phẩm của Bangladesh, chế biến tại Việt Nam theo những tiêu chuẩn nghiêm ngặt của EU và tái xuất khẩu sang EU) và tận dụng khả năng tuân thủ các tiêu chuẩn liên quan của EU cũng như những ưu đãi FTA với EU. FTA giữa EU và Việt Nam phải là diễn đàn đúng nghĩa để bàn thảo và tiến hành những đàm phán kỹ thuật quan trọng này nhằm đạt được các mục tiêu thuận lợi hóa thương mại và lợi thế so sánh quan trọng.

Ngoài ra, hệ thống khung pháp lý làm cơ sở cho việc đánh giá chất lượng sản phẩm còn thiếu và không đồng bộ. Ví dụ, hiện nay vẫn chưa có bộ Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) hoàn chỉnh phục vụ công nghệ thuộc da để làm chuẩn mực cho việc đánh giá chất lượng sản phẩm. Điều này cho thấy việc cần thiết

phải hoàn thiện khung pháp lý, xây dựng các biện pháp kỹ thuật hợp pháp và hợp lý cho các sản phẩm công nghiệp nói chung và ngành Da Giày Việt Nam nói riêng, nhằm mục tiêu vừa bảo vệ được thị trường nội địa bởi sự xâm nhập của hàng hoá kém chất lượng từ bên ngoài, đồng thời vừa nâng cao được khả năng cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá Việt Nam với khu vực kinh tế thế giới.

3. Một số kiến nghị đối với đoàn đàm phán FTA của Việt Nam

Đàm phán về TBT trong Hiệp định FTA VN-EU sẽ tạo ra một khung khổ pháp lý chặt chẽ về TBT, góp phần nâng cao tính minh bạch hóa, tính ổn định và tính dự báo được, điều đó có thể thúc đẩy hoạt động đầu tư của các doanh nghiệp của cả Việt Nam và EU. Dưới đây là một số kiến nghị đối với đoàn đàm phán của Việt Nam

- Đoàn đàm phán cần tích cực tham vấn các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang thị trường EU để nắm bắt yêu cầu thực tế nhằm vận dụng trong quá trình đàm phán.

- Tăng cường tuyên truyền và cung cấp thông tin về hệ thống TBT của EU để các doanh nghiệp có nhận thức đầy đủ về sự cần thiết phải tuân thủ các yêu cầu về TBT tại thị trường EU cũng như thị trường trong nước, khuyến khích doanh nghiệp tích cực tham gia nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, đổi mới công nghệ, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến nhằm để nâng cao năng suất và chất lượng.

- Tích cực rà soát nhằm hoàn thiện hệ thống TBT của Việt Nam, ví dụ như: tăng cường sử dụng các tiêu chuẩn quốc tế làm nền tảng cho các văn bản pháp lý và tiêu chuẩn quốc gia, xây dựng các biện pháp kỹ thuật TBT hợp pháp và hợp lý cho các sản phẩm ngành hàng,

nhằm mục tiêu vừa bảo vệ được thị trường nội địa bởi sự xâm nhập của hàng hoá kém chất lượng từ bên ngoài, đồng thời vừa nâng cao được khả năng cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá Việt Nam với khu vực kinh tế thế giới, tăng cường các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau trong các ngành hàng cụ thể, khuyến khích mở rộng mạng lưới quốc tế giữa các tổ chức đánh giá sự phù hợp, tăng cường các phòng thử nghiệm của Việt Nam liên kết với các đối tác và/hoặc các phòng thử nghiệm tham chiếu của EU.

Trong Hiệp định PCA Việt Nam - EU quy định: “Hợp tác trong lĩnh vực TBT cần được tiến hành thông qua, nhưng không hạn chế bởi, hình thức đối thoại qua các kênh thích hợp, các dự án chung, các chương trình hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng năng lực”, như vậy trong đàm phán FTA Việt Nam – EU cần cụ thể hóa điều khoản về hợp tác và thuận lợi hóa thương mại, và nó sẽ có tác động lớn tới Việt Nam. Cần nhấn mạnh tầm quan trọng của các cơ chế thuận lợi hóa thương mại vốn có có thể sẽ phù hợp hơn trong phạm vi bối cảnh của một FTA. Mặc dù có thể đạt được và vận dụng các công cụ này khi không có FTA (nghĩa là trong bối cảnh WTO), nhưng rõ ràng là nếu các công cụ này tồn tại trong phạm vi một FTA sẽ giúp tối đa hóa các lợi ích thương mại. Nếu Việt Nam đảm bảo được các cơ chế thuận lợi hóa thương mại với EU về những vấn đề TBT, thì Việt Nam có thể thu được lợi ích lớn hơn từ chi phí sản xuất thấp hơn và nhờ đó, xuất khẩu sang EU sẽ thuận lợi hơn so với các đối thủ cạnh tranh khác.

Trong bối cảnh này, các thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau trong các ngành hàng cụ thể cần được xem xét. Khuyến khích mở rộng mạng lưới quốc tế giữa các tổ chức đánh giá sự phù hợp, tăng cường các phòng thử nghiệm của

Việt Nam liên kết với các đối tác và/hoặc các phòng thử nghiệm tham chiếu của EU. Tuy nhiên sự chênh lệch trình độ phát triển giữa Việt Nam và EU cần được xem xét đầy đủ, việc hợp tác cần bao gồm hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo nguồn nhân lực và những biện pháp thúc đẩy chuyển giao kiến thức và củng cố dịch vụ công. Đàm phán FTA sẽ là khung khổ phù hợp để giải quyết vấn đề này và đạt được các mục tiêu về thuận lợi hóa thương mại. □

Tài liệu tham khảo

1. MUTRAP, Báo cáo về “*Vượt qua các rào cản TBT để thúc đẩy xuất khẩu sang Liên minh Châu Âu*”. Mã hoạt động WTO-7.
2. MUTRAP, Báo cáo về “*Hiệp định Thương mại Tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu: phân tích tác động định lượng và định tính*”. Mã hoạt động FTA- 9 EU.
3. Hiệp định Thương mại Tự do giữa Liên minh Châu Âu và Hàn quốc.
4. Tài liệu khóa tập huấn của MUTRAP *Nâng cao năng lực của các nhà đàm phán Việt Nam về một số khía cạnh cụ thể của các FTA thế hệ mới*, Trần Văn Nam, Mã hoạt động EU-4 Hà Nội và Hạ Long, tháng 9/2014.